TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34 /2018/HNGĐ -ST
Ngày 15/10/2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH – TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tạ Thị Hồng Ngân.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Vũ Hải Toàn;**

2. Bà Nguyễn Thị Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Đào Thị Anh Nhinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà **Vương Thị Đàm Chuyên** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 60/2018/TLST – HNGĐ ngày 28/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST - DS ngày 28/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị H**, Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu 8, xã Gia T, huyện PN, tỉnh PT.

Hôm nay, có mặt.

Bị đơn: Anh **Triệu Văn V**, Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu 8, xã Gia T, huyện PN, tỉnh PT.

Hôm nay, có mặt.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lương Đình D**, Sinh năm 1966.

2. Anh **Lượng Văn D**, Sinh năm 1993.

Đều có địa chỉ: Khu 8, xã Gia T, huyện PN, tỉnh PT.

(Anh D ủy quyền cho ông D).

3. Chị **Lương Thị H**, Sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ 9, phường Thanh M, TP. VT, tỉnh PT.

4. Chị **Lương Thị H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 10. Xã Tiên D, huyện PN, tỉnh PT.

5**. Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện PN**

Đại diện: Bà **Bùi Thị L** - Phó Giám Đốc Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh PT kiêm Giám đốc PGD Ngân hàng CSXH huyện PN.

6. Bà **Hán Thị M**, Sinh năm 1933.

7. Ông **Hán Minh H**, Sinh năm 1957.

Đều có địa chỉ: Khu 8, xã Gia T, huyện PN, tỉnh PT.

8. **UBND xã Gia T, huyện PN, tỉnh PT.**

Đại diện: Ông **Hán Xuân Đ** - Chủ tịch UBND xã.

Hôm nay, đều vắng mặt (Có đơn xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay chị Lương Thị H và anh Triệu Văn V đều thống nhất trình bày: Anh chị kết hôn năm 1999 tại UBND xã Gia T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh V không tu chí làm ăn, tự ý vay nợ của nhiều người. Khi mâu thuẫn xảy ra chị cũng nhiều lần khuyên bảo anh V nhưng anh V không thay đổi. Phía anh V cho vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân chính xuất phát từ kinh tế. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Anh V xin được đoàn tụ**.**

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là: Triệu Thị Thu Ph, sinh ngày 20/02/2000; Triệu Thị Thu Th, sinh ngày 02/01/2002 và Triệu Công D, sinh ngày 25/10/2014. Hiện nay cháu Ph đã thành niên nên không đề nghị giải quyết. Đối với cháu Thảo và cháu D anh chị thỏa thuận để cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu 500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Anh chị xác nhận vợ chồng có tài sản chung là quán bán hàng tạp hóa và quán bán bia làm trên diện tích đất thuê của UBND xã Gia T và diện tích đất mà mẹ đẻ chị H cho mượn cùng toàn bộ tài sản sinh hoạt trong gia đình. Nay anh chị thống nhất: Đối với diện tích quán bán hàng tạp hóa, quán bán bia anh chị ước giá là 25 triệu đồng và đồng ý để cho chị H được sở hữu, chị H không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh V. Đối với các tài sản là đồ dùng sinh hoạt không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Cả hai anh chị đều xác nhận hiện nay vợ không cho ai vay và còn nợ của:

+ Ngân hàng CSXH huyện PN 50.000.000 đồng;

+ Chị Lương Thị H1 (là chị gái chị H): 03 cây vàng SJC và 105.000.000 đồng;

+ Ông Lương Đình D: 50.000.000 đồng;

+ Chị Lương Thị H2: 20.000.000 đồng;

+ Anh Lương Văn D1: 30.000.000 đồng.

Khi ly hôn anh chị đề nghị giải quyết các khoản nợ chung này theo quy định của pháp luật. Riêng đối với khoản nợ 3 cây vàng SIC của chị H là nợ riêng của anh V nên anh V sẽ có trách nhiệm trả cho chị H số nợ này.

- Về đất ruộng: Không có.

**** Ông Lương Đình D trình bày*:** Cuối năm 2016 anh V có đến hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng để trả lãi ngày. Ông đồng ý. Đồng thời cũng trong thời gian này anh V có hỏi vay của anh Lương Văn D1 (là con trai ông) số tiền 30.000.000 đồng. Vì là anh em, chú cháu trong gia đình nên không có giấy tờ gì. Hiện nay số tiền này anh V vẫn chưa trả được cho ông và con trai ông. Nay anh chị ly hôn ông đề nghị vợ chồng anh chị phải trả cho ông và anh D1số tiền đã vay trên và không yêu cầu trả lãi.

*** Chị Lương Thị H1trình bày**: Đầu năm 2015, chị có cho anh chị H V vay 50.000.000 đồng. Mấy tháng sau chị H lại hỏi vay tiếp 30.000.000 đồng. Tất cả số tiền vay này chị H nói là để trả tiền mà anh V vay lãi ngày của người khác. Cũng trong năm 2015 (không nhớ thời gian cụ thể) chị lại cho chị H vay tiếp 25.000.000 đồng để làm nhà. Năm 2016 anh chị lại xuống để hỏi vay của chị 3 cây vàng SJC để trả khoản tiền mà anh V vay lãi ngày. Toàn bộ các khoản vay này vì là chị em trong gia đình nên không có giấy tờ gì. Hiện nay các khoản nợ này vợ chồng anh chị chưa trả được cho chị. Nay anh chị ly hôn chị đề nghị anh chị phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền mà anh chị đã vay (không yêu cầu trả lãi). Riêng đối với 3 cây vàng SJC anh V vay riêng để trả lãi ngày nên chị yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ trả cho chị số vàng này (không yêu cầu lãi) và đề nghị trả bằng vàng.

*** Chị Lương Thị H2 trình bày**: Năm 2015 chị có cho vợ chồng anh V, chị H vay số tiền 20.000.000 đồng để anh chị làm nhà. Hiện nay số tiền này anh chị chưa trả được cho chị. Nay anh chị ly hôn, chị đề nghị anh chị H - V phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền trên và không yêu cầu trả lãi.

*** Đại diện Phòng GD Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Ninh trình bày:** Ngày 21/6/2016 Ngân hàng CSXH huyện Phù Ninh có cho gia đình anh Triệu Văn Vượng và chị Lương Thị Hoàn vay vốn theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, mã món vay 6600000707784256, hạn trả ngày 10/12/2020. Tiền lãi anh chị đã trả đều hàng tháng. Nay anh chị ly hôn PGD yêu cầu anh chị có trách nhiệm trả cho PGD số tiền gốc còn nợ trên và tiền lãi theo hợp đồng.

*** Đại diện UBND xã Gia Thanh trình bày:** Diện tích quán bán hàng hiện nay của vợ chồng anh Triệu Văn Vượng và chị Lương Thị H là do anh chị thuê của UBND xã Gia Thanh (thời điểm thuê không nhớ rõ). Diện tích đất thuê là 40m ^{2} (tiền thuê đất trả 5 năm một lần). Phần diện tích đất này thuộc thửa số 292, tờ bản đồ số 15 (mục đích sử dụng là đất màu) tại khu 8, xã Gia Thanh,

huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay do thời gian thuê đã lâu nên xã cũng không còn lưu được hồ sơ, hợp đồng cho thuê đất. Nay UBND xã được biết chị H và anh V đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Đối với diện tích đất thuê này UBND xã Gia Thanh có quan điểm như sau: Tiếp tục để cho anh chị thuê đất, trường hợp Tòa án giao tài sản trên đất cho ai được sở hữu thì UBND xã căn cứ vào bản án của Tòa án để ký lại hợp đồng thuê đất với người đó.

*** Bà Hán Thị M trình bày**: Một phần diện tích đất mà hiện nay anh V và chị H đang làm quán bán bia có nguồn gốc là của ông Hán Minh H được Nhà nước giao. Năm 2008 giữa bà và ông H có thỏa thuận đổi đất cho nhau, theo đó bà đổi cho ông H được sử dụng 6 thước đất màu (144m^2)tại Đám Vật phía dưới trạm điện thuộc khu 8, xã Gia Thanh, còn bà được sử dụng 6 thước đất màu (144m^2) thuộc thửa số 291, tờ bản đồ số 15 của ông Hòa. Việc đổi đất giữa hai bên chỉ viết tay và có xác nhận của UBND xã Gia Thanh. Sau khi đổi đất xong bà cho vợ chồng anh V mượn diện tích đất này để anh chị làm quán bán bia. Nay anh chị ly hôn quan điểm của bà là: cho riêng chị H diện tích đất màu này để chị Hoàn lấy chỗ ở và kinh doanh nuôi các cháu. Hiện nay diện tích đất này bà chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên bà mà vẫn nằm trong GCNQSD đất của ông Hán Minh H.

*** Ông Hán Minh H trình bày:** Một phần diện tích đất mà hiện nay vợ chồng anh V, chị H đang làm quán bán bia có nguồn gốc là đất màu do ông được HTX nước giao thuộc thửa số 291, tờ bản đồ 15 có diện tích là 200m^2 . Do diện tích đất này nằm tại vị trí có cây đa Kim Ngọc thuộc khu 8, xã Gia Thanh nên bị ướm bong, gia đình không canh tác được. Vì vậy, năm 2008 ông và bà Hán Thị M – là mẹ đẻ của chị H có viết giấy đổi đất cho nhau, cụ thể: Ông đổi cho bà Mão được sử dụng 6 thước đất màu (144m^2) thuộc thửa số 291, tờ bản đồ số 15, còn ông sử dụng 6 thước đất màu (144m^2) tại Đám Vật phía dưới trạm điện thuộc khu 8, xã Gia Thanh. Hiện nay giữa hai bên vẫn chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất đổi này. Sau khi đổi đất xong bà M cho vợ chồng chị H, anh V mượn để làm quán bán bia. Hiện nay anh V và chị H vẫn đang sử dụng diện tích đất này. Nay ông không có đề nghị gì đối với diện tích đất đổi này vì không còn thuộc quyền sử dụng của ông nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lương Thị H làm đơn xin ly hôn đối với anh Triệu Văn V và đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung theo quy định của pháp luật. Do đó đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh theo quy định tại khoản 1 điều 28 và khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Triệu Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại

UBND xã Gia Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Theo chị H trình bày thì vợ chồng mâu thuẫn là do anh V không tu chí làm ăn, tự ý vay nợ của nhiều người. Phía anh V cho rằng vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ cùng nhau, nhưng phía chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh H xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình xác minh tại địa phương cũng được cung cấp anh chị mâu thuẫn là do anh V không tu chí làm ăn, nợ nần nhiều. Tại phiên tòa hôm nay anh V cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là xuất phát từ việc anh vay nợ nhiều, không có điều kiện trả và xin được được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh V không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Phía chị H vẫn kiên quyết đề nghị HĐXX cho chị được ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nên xử cho anh chị được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Cả hai anh chị đều xác nhận vợ chồng có ba con chung là Triệu Thị Thu Ph, sinh ngày 20/02/2000; Triệu Thị Thu Th, sinh ngày 02/01/2002 và Triệu Công D, sinh ngày 25/10/2014. Hiện nay cháu Phg đã thành niên nên không đề nghị giải quyết. Đối với cháu Th và cháu D anh chị thỏa thuận để cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh V cấp dưỡng nuôi con chung 500.000 đồng/cháu/tháng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyên của các đương sự, phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận. Mặt khác tại Bản tự khai cháu Th cũng có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Do đó, cần giao cháu Th và cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hoàn 500.000 đồng/cháu/tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh chị xác nhận vợ chồng có tài sản chung là quán bán hàng tạp hóa và quán bán bia làm trên diện tích đất màu thuê của UBND xã Gia Thanh và diện tích đất màu mà mẹ đẻ chị Hoàn cho mượn cùng toàn bộ tài sản sinh hoạt trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án anh chị thống nhất không đề nghị Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản và thống nhất giá trị của quán bán hàng tạp hóa và quán bán bia là 25.000.000 đồng đồng thời giao cho chị H được sử dụng toàn bộ khối tài sản chung này và không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh V. Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và xác minh tại UBND xã Gia Thanh thấy rằng: Diện tích quán bán hàng tạp hóa là 40m^2 được làm trên diện tích 40m^2 đất màu thuê của UBND xã Gia Thanh và diện tích quán bán bia là 60m^2 xây trụ hàn khung sắt và lưới B40 làm trên diện tích đất 144m^2 đất màu của bà Hán Thị M - mẹ đẻ chị H. Quá trình giải quyết vụ án bà M có quan điểm cho riêng chị Hoàn

diện tích này để chị Hoàn kinh doanh, anh V nhất trí và không có ý kiến gì. Đối với các tài sản là đồ dùng sinh hoạt anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản chung. Theo đó, giao cho chị H được quyền sử dụng 40m^2 quán bán hàng tạp hóa làm trên diện tích đất màu thuê của UBND xã và 60m^2 quán bán bia làm trên diện tích 144m^2 đất màu của bà Hán Thị M (diện tích đất này bà Mão cho riêng chị H).

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cả hai anh chị đều thống nhất hiện vợ chồng còn nợ chung là 255.000.000 đồng và đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần buộc mỗi người phải có nghĩa vụ trả một nửa số nợ chung trên. Cụ thể:

- Chị Lương Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho:

+ Chị Lương Thị H1: 105.000.000 đồng;

+ Chị lương Thị H2: 20.000.000 đồng.

- Anh Triệu Văn V có nghĩa vụ trả nợ cho:

+ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Ninh: 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng;

+ Ông Lương Đình D: 50.000.000 đồng;

+ Anh Lương Đình D1: 30.000.000 đồng.

Ngoài ra anh V còn có nghĩa vụ trả khoản nợ riêng là 3 cây vàng SJC cho chị H1.

Mặc dù anh V phải trả nợ chung nhiều hơn chị H là 5000.000 đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay anh V không yêu cầu chị H phải thanh toán lại khoản tiền chênh lệch này. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của anh V nên cần chấp nhận.

[6] Về đất ruộng: Tại phiên tòa hôm nay cả hai anh chị đều xác nhận không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Triệu Văn V.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc giao con chung: Giao cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu 500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản chung: Giao cho chị Lương Thị H được sở hữu toàn bộ tài sản chung có trị giá là 25.000.000 đồng. Chị H không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh V

- Về nợ chung: Xác nhận nợ chung của vợ chồng là 255.000.000 đồng và mỗi người phải có nghĩa vụ trả một nửa khoản nợ này.

Đối với 3 cây vàng SJC anh V phải có nghĩa vụ trả riêng cho chị Lương Thị H1.

Về đất ruộng: Không có.

[8] Về án phí: Chị H và anh V phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với 03 cây vàng SJC được quy đổi thành tiền để tính án phí là 109.500.000 đồng (Tại thời điểm xét xử sơ thẩm giá vàng SJC là 36.500.000 đồng/cây).

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 56, điều 81, 82, khoản 2 điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, Khoản 4 điều 147, điều 271, Khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý vả sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Triệu Văn V.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau: Giao hai con chung là Triệu Thị Thu Th, sinh ngày 02/01/2002 và Triệu Công D, sinh ngày 25/10/2014 cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Triệu Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cung chị H 500.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi từng cháu thành niên.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc chăm sóc và giáo dục con chung không bên nào được ngăn cấm.

Về chia tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản chung như sau:

Giao cho chị Lương Thị H được sở hữu toàn bộ tài sản chung gồm:

+ 01 quán bán hàng tạp hóa xây cấp bốn diện tích 40m^2 trên diện tích 40m^2 đất màu thuê của UBND xã Gia Thanh thuộc thửa số 292, tờ bản đồ số 15 tại khu 8, xã Gia Thanh, huyện Phù Ninh,tỉnh Phú Thọ.

+ 01 quán bán bia xây trụ hàn khung sắt và lưới B40 diện tích xây dựng 60m^2 trên diện tích 144m^2 đất màu do bà Hán Thị M đổi từ ông Hán Minh H thuộc thửa số 292, tờ bản đồ số 15 thuộc khu 8, xã Gia Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ (Diện tích đất này hiện vẫn đang nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hán Minh H - thuộc thửa số 292, tờ bản đồ 15,tại

khu 8, xã Gia Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ). Bà M cho riêng chị H diện tích đất trên.

Tổng trị giá là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Chị Lương Thị H không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Triệu Văn V.

- Về nợ chung: Xác nhận hiện vợ chồng còn nợ chung là: 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc chị Lương Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho:

+ Chị Lương Thị H1: 105.000.000 đồng (không phải trả lãi);

+ Chị lương Thị H2: 20.000.000 đồng (không phải trả lãi).

Tổng là: 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Buộc anh Triệu Văn V có nghĩa vụ trả nợ cho:

+ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Ninh: 50.000.000 đồng khi đến hạn và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng;

+ Ông Lương Đình D: 50.000.000 đồng (không phải trả lãi);

+ Anh Lương Đình D1: 30.000.000 đồng (không phải trả lãi).

Tổng là: 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

- Về nợ riêng: Anh Triệu Văn V có nghĩa vụ trả cho chị Lương Thị H1 3 cây vàng SJC (không phải trả lãi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông D, anh D1, chị H1 và chị H2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H, anh V không trả được các khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về đất ruộng: Không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000788 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Thị H phải chịu 1.250.000 đồng tiền án phí chia tài sản và 6.250.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ trả nợ. Tổng là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000789 ngày 22/3/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh. Chị H còn phải nộp tiếp 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Triệu Văn V phải chịu 9.475.000 đồng (Chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí của người có nghĩa vụ trả nợ và 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng là 9.775.000 đồng (Chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo để đề nghị xét xử phúc thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- T.H.A DS huyện Phù Ninh;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Gia Thanh;
- L- u: HS , VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Hồng Ngân